

PHỤ LỤC 4
BẢNG TỔNG HỢP THU - NỢP QUỸ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRÊN ĐỊA BÀN CẤP XÃ NĂM 2026
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Đồng Tháp)

Đơn vị: đồng

STT	Tên xã, phường	Tổng Thu	Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn	Người lao động làm việc theo hợp đồng trong doanh nghiệp	Người lao động khác	Số văn bản	Ngày văn bản
Tổng cộng		30.664.608.410	2.327.505.692	13.830.779.298	5.592.616.421	8.913.707.000		
1	Phường Mỹ Tho	171.080.455	45.470.455	75.500.000		50.110.000	2398/KH-UBND	23/3/2026
2	Phường Đạo Thạnh	1.440.902.987	19.669.545	962.556.518	390.406.923	68.270.000	92/KH-UBND	22/4/2026
3	Phường Mỹ Phong	623.562.872	21.325.982	418.357.512	142.719.378	41.160.000	840/KH-UBND	9/3/2026
4	Phường Thới Sơn	217.168.694	16.858.694	172.500.000		27.810.000	709/KH-UBND	17/3/2026
5	Phường Trung An	379.179.896	30.792.378	280.500.000	3.547.518	64.340.000	921/KH-UBND	14/2/2026
6	Phường Gò Công	275.292.611	20.634.616	157.305.000	26.832.995	70.520.000	63/KH-UBND	12/3/2026
7	Phường Long Thuận	199.262.209	20.847.274	56.325.000	93.069.935	29.020.000	117/KH-UBND	13/4/2026
8	Phường Sơn Quý	323.777.920	25.740.088	130.597.047	76.350.785	91.090.000	100/KH-UBND	28/4/2026
9	Phường Bình Xuân	166.718.715	13.720.910	55.526.000	24.441.805	73.030.000	84/KH-UBND	20/3/2026
10	Phường Mỹ Phước Tây	304.110.979	35.791.486	156.970.262	60.189.231	51.160.000	61/KH-UBND	9/3/2026
11	Phường Thanh Hòa	131.859.493	15.103.688	50.963.882	24.441.923	41.350.000	493/KH-UBND	24/3/2026
12	Phường Cai Lậy	1.325.964.992	5.766.082	467.637.757	61.861.153	790.700.000	188/KH-UBND	10/3/2026
13	Phường Nhị Quý	226.280.090	16.965.000	102.683.167	65.841.923	40.790.000	73/KH-UBND	27/3/2026
14	Xã Tân Phú	219.484.127	21.060.072	131.467.517	27.626.538	39.330.000	542/KH-UBND	10/4/2026
15	Xã Thanh Hưng	314.595.408	23.559.626	139.003.504	22.702.278	129.330.000	1292/KH-UBND	8/4/2026
16	Xã An Hữu	291.192.663	20.581.434	85.501.229		185.110.000	64/KH-UBND	5/4/2026
17	Xã Mỹ Lợi	107.390.455	16.220.455			91.170.000	47/KH-UBND	25/3/2026
18	Xã Mỹ Đức Tây	258.507.918	19.411.364	90.811.169	9.865.385	138.420.000	63/KH-UBND	4/7/2026
19	Xã Mỹ Thiện	114.489.000	17.649.000			96.840.000	491/KH-UBND	17/3/2026
20	Xã Hậu Mỹ	209.398.333	22.131.200	129.127.902	17.219.231	40.920.000	18/KH-UBND	26/2/2026
21	Xã Hội Cư	483.030.940	22.024.800	273.343.443	48.882.697	138.780.000	504/KH-UBND	17/3/2026
22	Xã Cái Bè	2.663.898.721	30.366.818	2.267.659.595	164.792.308	201.080.000	50/KH-UBND	27/2/2026
23	Xã Bình Phú	732.016.737	20.581.434	274.821.841	349.043.462	87.570.000	36/KH-UBND	12/3/2026
24	Xã Hiệp Đức	221.800.382	20.246.000	91.687.074	23.267.308	86.600.000	590/KH-UBND	4/3/2026
25	Xã Ngũ Hiệp	451.603.261	20.953.708	250.657.630	60.551.923	119.440.000	296/KH-UBND	2/6/2026
26	Xã Long Tiên	254.688.944	19.836.886	135.235.135	7.826.923	91.790.000	38/KH-UBND	4/6/2026
27	Xã Mỹ Thành	236.826.640	16.107.000	110.245.794	54.503.846	55.970.000	47/KH-UBND	17/3/2026
28	Xã Thạnh Phú	127.433.078	13.667.774	52.797.227	13.448.077	47.520.000	53/KH-UBND	20/3/2026
29	Xã Tân Phước 1	354.890.696	24.410.455	272.554.332	21.325.909	36.600.000	187/KH-UBND	3/2/2026
30	Xã Tân Phước 2	78.837.768	11.965.950	35.667.203	5.254.615	25.950.000	51/KH-UBND	9/3/2026
31	Xã Tân Phước 3	345.680.305	14.625.000	166.406.458	33.358.846	131.290.000	120/KH-UBND	27/3/2026
32	Xã Hưng Thạnh	149.863.609	19.382.780	75.058.137	13.932.692	41.490.000	911/KH-UBND	13/2/2026
33	Xã Tân Hương	325.315.362	14.510.464	184.340.475	58.124.423	68.340.000	82/KH-UBND	17/4/2026

STT	Tên xã, phường	Tổng Thu	Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn	Người lao động làm việc theo hợp đồng trong doanh nghiệp	Người lao động khác	Số văn bản	Ngày văn bản
34	Xã Châu Thành	322.688.271	25.142.748	166.949.244	76.316.279	54.280.000	689/KH-UBND	9/3/2026
35	Xã Long Hưng	55.954.545	13.614.545			42.340.000	27/KH-UBND	23/3/2026
36	Xã Long Định	270.242.135	21.587.750	73.500.000	71.404.385	103.750.000	62/KH-UBND	19/3/2026
37	Xã Vĩnh Kim	89.530.928	11.073.528	25.247.400	370.000	52.840.000	43/KH-UBND	30/3/2026
38	Xã Kim Sơn	323.024.411	10.010.470	203.824.325	67.129.615	42.060.000	1404/KH-UBND	06/4/2026
39	Xã Bình Trung	192.267.589	15.660.018	97.790.455	28.107.115	50.710.000	53/KH-UBND	31/3/2026
40	Xã Mỹ Tịnh An	669.212.735	20.489.182	61.552.399	529.681.154	57.490.000	1375/KH-UBND	3/4/2026
41	Xã Lương Hòa Lạc	206.083.786	17.603.242	62.630.544	49.680.000	76.170.000	570/KH-UBND	3/6/2026
42	Xã Tân Thuận Bình	285.000.845	4.520.455	170.456.929	17.913.462	92.110.000	1196/KH-UBND	30/3/2026
43	Xã Chợ Gạo	461.518.146	21.591.890	202.887.794	184.548.462	52.490.000	751/KH-UBND	3/3/2026
44	Xã An Thạnh Thủy	182.807.705	3.829.091	108.397.076	16.241.538	54.340.000	991/KH-UBND	29/4/2026
45	Xã Bình Ninh	442.692.776	22.389.622	76.919.000	270.294.154	73.090.000	194/KH-UBND	2/7/2026
46	Xã Vĩnh Bình	358.298.560	27.016.456	139.801.335	114.130.769	77.350.000	88/KH-UBND	3/11/2026
47	Xã Đồng Sơn	178.821.176	18.045.054	85.151.891	14.444.231	61.180.000	41/KH-UBND	10/2/2026
48	Xã Phú Thành	193.693.605	11.284.584	82.425.175	60.053.846	39.930.000	25/KH-UBND	11/2/2026
49	Xã Long Bình	104.927.823	17.496.878	26.018.637	9.392.308	52.020.000	28/KH-UBND	23/2/2026
50	Xã Vĩnh Hựu	100.730.000	11.713.000	40.111.000	5.146.000	43.760.000	58/KH-UBND	3/4/2026
51	Xã Gò Công Đông	121.858.978	16.539.545	43.113.920	2.395.513	59.810.000	78/KH-UBND	31/3/2026
52	Xã Tân Điền	71.006.072	15.422.727	11.431.806	6.261.538	37.890.000	988/KH-UBND	10/4/2026
53	Xã Tân Hòa	170.706.138	19.759.146		31.876.992	119.070.000	46/KH-UBND	16/3/2026
54	Xã Tân Đông	305.939.075	24.729.545	159.963.761	46.605.769	74.640.000	51/KH-UBND	17/3/2026
55	Xã Gia Thuận	229.488.308	22.419.000	107.447.308	8.662.000	90.960.000	772/KH-UBND	30/3/2026
56	Xã Tân Thới	93.569.122	18.666.882	22.594.746	2.587.494	49.720.000	85/KH-UBND	31/3/2026
57	Xã Tân Phú Đông	166.321.883	14.007.020	51.784.863		100.530.000	107/KH-UBND	9/4/2026
58	Xã Tân Hồng	134.325.000	34.940.000	43.170.000	16.465.000	39.750.000	118/KH-UBND	4/8/2026
59	Xã Tân Thành	78.231.182	19.358.182	27.528.000	8.325.000	23.020.000	47/KH-UBND	24/2/2026
60	Xã Tân Hộ Cơ	95.265.909	20.740.909	38.000.000	17.595.000	18.930.000	114/KH-UBND	29/4/2026
61	Xã An Phước	76.489.503	20.105.000	17.084.003	3.530.500	35.770.000	31/KH-UBND	26/2/2026
62	Phường An Bình	365.545.000	30.528.000	34.000.000	271.405.000	29.612.000	846/KH-UBND	01/4/2026
63	Phường Hồng Ngự	113.580.000				113.580.000	1060/KH-UBND	4/3/2026
64	Phường Thường Lạc	133.829.000	27.335.000	26.060.000	9.024.000	71.410.000	611/KH-UBND	13/3/2026
65	Xã Thường Phước	164.364.000	32.312.000	27.000.000	13.697.000	91.355.000	72/KH-UBND	25/3/2026
66	Xã Long Khánh	104.466.273	19.677.273	20.599.000		64.190.000	109/KH-UBND	10/4/2026
67	Xã Long Phú Thuận	149.910.000	35.245.000	23.370.000	16.685.000	74.610.000	63/KH-UBND	19/3/2026
68	Xã An Hòa	87.835.000	12.826.000	31.019.000	18.460.000	25.530.000	135/KH-UBND	5/4/2026
69	Xã Tam Nông	63.896.000	17.390.000	3.311.000	7.245.000	35.950.000	96/KH-UBND	3/7/2026
70	Xã Phú Thọ	82.332.934	13.348.000	46.284.934		22.700.000	62/KH-UBND	17/3/2026
71	Xã Tràm Chim	201.275.000	18.879.000	134.666.000		47.730.000	65/KH-UBND	13/3/2026
72	Xã Phú Cường	277.504.000	16.165.000	114.396.000	39.973.000	106.970.000	63/KH-UBND	25/3/2026

STT	Tên xã, phường	Tổng Thu	Cán bộ, công chức, người lao động trong cơ quan nhà nước	Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn	Người lao động làm việc theo hợp đồng trong doanh nghiệp	Người lao động khác	Số văn bản	Ngày văn bản
73	Xã An Long	343.119.860	25.334.000	220.961.860	52.114.000	44.710.000	74/KH-UBND	15/4/2026
74	Xã Thanh Bình	190.086.546	26.484.546	135.402.000		28.200.000	69/KH-UBND	12/3/2026
75	Xã Tân Thạnh	92.499.636	16.858.636	61.141.000		14.500.000	67/KH-UBND	31/3/2026
76	Xã Bình Thành	427.614.175	20.889.818	64.487.690	325.476.667	16.760.000	1069/KH-UBND	25/3/2026
77	Xã Tân Long	148.774.458	38.131.364	67.273.094		43.370.000	53/KH-UBND	3/4/2026
78	Xã Tháp Mười	156.981.011	30.121.011			126.860.000	57/KH-UBND	3/12/2026
79	Xã Thanh Mỹ	108.334.000	18.295.000	29.193.000	2.846.000	58.000.000	1035/KH-UBND	4/8/2026
80	Xã Mỹ Quý	117.510.800	24.950.800			92.560.000	54/KH-UBND	14/2/2026
81	Xã Đốc Bình Kiều	124.522.000	21.432.000	13.000.000	9.890.000	80.200.000	689/KH-UBND	13/3/2026
82	Xã Trường Xuân	50.022.365	17.492.365			32.530.000	187/KH-UBND	2/3/2026
83	Xã Phương Thịnh	83.403.000	17.337.000	12.030.000	2.206.000	51.830.000	553/KH-UBND	27/2/2026
84	Xã Phong Mỹ	374.113.170	22.761.896	76.151.274	83.570.000	191.630.000	373/KH-UBND	23/3/2026
85	Xã Ba Sao	82.788.000	15.848.000			66.940.000	2676/KH-UBND	29/12/2025
86	Xã Mỹ Thọ	452.768.000	33.505.000	40.500.000	74.733.000	304.030.000	82/KH-UBND	16/4/2025
87	Xã Bình Hàng Trung	217.815.215	35.206.000	87.834.215	34.375.000	60.400.000	489/KH-UBND	13/3/2026
88	Xã Mỹ Hiệp	118.656.000	18.196.000			100.460.000	70/KH-UBND	2/3/2026
89	Phường Cao Lãnh	277.223.273	71.157.273	62.000.000	8.556.000	135.510.000	1179/KH-UBND	23/3/2026
90	Phường Mỹ Ngãi	79.190.000	31.140.000			48.050.000	93/KH-UBND	8/4/2026
91	Phường Mỹ Trà	793.203.482	29.888.284	235.361.698	372.023.500	155.930.000	115/KH-UBND	21/4/2026
92	Xã Mỹ An Hưng	146.033.273	31.983.273			114.050.000	738/UBND-NN	13/3/2026
93	Xã Tân Khánh Trung	175.515.208	25.960.909	21.954.684	8.609.615	118.990.000	54/KH-UBND	12/2/2026
94	Xã Lấp Vò	328.603.987	34.375.909	106.610.578	32.187.500	155.430.000	43/KH-UBND	23/02/2026
95	Xã Lai Vung	547.756.000	39.909.000	213.237.000	92.040.000	202.570.000	50/KH-UBND	10/3/2026
96	Xã Hòa Long	288.695.000	40.492.000	44.505.000	9.288.000	194.410.000	41/KH-UBND	14/2/2026
97	Xã Phong Hòa	324.345.000	34.291.000	75.890.000	28.024.000	186.140.000	52/KH-UBND	17/3/2026
98	Phường Sa Đéc	1.428.397.281	77.273.448	962.966.849	260.356.984	127.800.000	115/KH-UBND	17/4/2026
99	Xã Tân Dương	388.116.000	21.942.000	152.981.000	55.013.000	158.180.000	26/KH-UBND	25/2/2026
100	Xã Phú Hựu	406.594.000	44.726.000	171.873.000	64.235.000	125.760.000	152/KH-UBND	3/3/2026
101	Xã Tân Nhuận Đông	436.133.000	29.184.000	227.241.000	71.108.000	108.600.000	62/KH-UBND	25/4/2026
102	Xã Tân Phú Trung	504.455.000	30.899.000	287.889.000	68.887.000	116.780.000	59/KH-UBND	20/3/2026